



學務處 衛生保健組

Bagian Pelayanan Kesehatan Kantor Urusan
Akademik

Chăm sóc sức khỏe

報告人：拾品翊、黃雅涓護理師





宣導就醫資訊與協助

Informasi dan bantuan medis



健康服務項目

Layanan Kesehatan

- 提供緊急救護及一般護理服務。
Menyediakan ambulans darurat dan layanan keperawatan umum
- 提供健康諮詢、特殊疾病追蹤及衛教
Memberikan konsultasi kesehatan, pengecekan penyakit khusus dan pendidikan kesehatan.
- 全校學生健康資料建檔及缺點矯治。
- 地點：B109教室（休咖啡斜對面）
Pendataan kesehatan seluruh siswa di sekolah。Lokasi: Ruang Kelas B109 (sebrang show Coffee)
- 電話：07-7811151轉分機2260。
- 服務時間：每週一至週五，08:00-17:00。
Jam layanan: Senin - Jumat, pukul 08:00-17:00.

夜間保健服務

Layanan Malam

- 夜間保健站 服務時間：每週一至週五，17:30~21:30。Jam pelayanan pos kesehatan malam: setiap Senin-Jumat, 17:30~21:30
- 服務項目：提供緊急救護及一般護理服務、外傷處理。Layanan: Menyediakan ambulans darurat dan layanan keperawatan umum, dan luka ringan

餐飲衛生督導

Pengawasan Kebersihan Makanan

- 每週不定期執行餐廳廚房，請參考餐飲衛生檢查作業規範、大專院校餐飲衛生輔導表。
- Pengecekan dapur dilakukan secara acak setiap minggunya, harap menjaga kebersihan dapur setelah pemakaian.
- 每學期協助辦理廚工體檢和餐飲工作人員講習。Membantu pemeriksaan fisik bagi pekerja dapur dan pelatihan bagi staf catering setiap semester
- 各餐廳自行存留每餐食物檢體於攝氏4度以下，至少48小時。Setiap restoran wajib menyimpan sampel makanan setiap kali makan pada suhu di bawah 4 derajat Celcius selama minimal 48 jam.
- 處理和報告食物中毒事件。Menangani dan melaporkan kejadian keracunan makanan.
- 衛福部食品管理署公告之餐飲衛生相關法規。Peraturan terkait kebersihan makanan diumumkan oleh Kementerian Kesehatan dan Kesejahteraan.



宣導就醫資訊與協助

Tuyên truyền thông tin và hỗ trợ y tế".



健康服務項目

Dịch vụ y tế

- 提供緊急救護及一般護理服務。Hỗ trợ cấp cứu khẩn cấp và các dịch vụ điều dưỡng thông thường
- 提供健康諮詢、特殊疾病追蹤及衛教。Hỗ trợ tư vấn sức khỏe, theo bệnh đặc biệt và giáo dục sức khỏe
- 全校學生健康資料建檔及缺點矯治。Lưu trữ dữ liệu sức khỏe của tất cả học sinh trong trường
- 地點：B109教室（休咖啡斜對面）。Địa điểm: Phòng học B109 (đối diện với tiệm Coffee).
- 電話：07-7811151轉分機2260。
- ĐT: 07-7811151 máy nhánh 2260.
- 服務時間：每週一至週五，08:00-17:00。Giờ phục vụ: Thứ Hai đến Thứ Sáu, 08:00-17:00

夜間保健服務

Dịch vụ y tế ngoài giờ

- 夜間保健站 服務時間：每週一至週五，17:30~21:30。
- 服務項目：提供緊急救護及一般護理服務、外傷處理。
- Giờ phục vụ ngoài giờ: Thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, 17:30~21:30.
- Dịch vụ: Hỗ trợ sơ cứu khẩn cấp và điều trị tổng quát, điều trị vết thương ngoài da

餐飲衛生督導

Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- 每週不定期執行餐廳廚房，請參考餐飲衛生檢查作業規範、大專院校餐飲衛生輔導表。Bếp ăn của nhà ăn luôn được tiến hành kiểm tra đột xuất hàng tuần, vui lòng tham khảo Tiêu chuẩn hoạt động kiểm tra vệ sinh ăn uống và Hướng dẫn vệ sinh ăn uống dành cho các trường tại trường đại học.
- 每學期協助辦理廚工體檢和餐飲工作人員講習。Hỗ trợ khám sức khỏe cho nhân viên nhà bếp và đào tạo nhân viên phục vụ cho mỗi học kỳ.
- 各餐廳自行存留每餐食物檢體於攝氏4度以下，至少48小時。Mỗi bếp ăn phải bảo quản mẫu thức ăn của từng bữa ăn ở nhiệt độ dưới 4 độ C trong thời gian ít nhất 48 giờ
- 處理和報告食物中毒事件。Xử lý và báo cáo sự cố ngộ độc thực phẩm.
- 衛福部食品管理署公告之餐飲衛生相關法規。Thông báo của Cục Quản lý Thực phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi về các quy định liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịch vụ ăn uống.



輔英科技大學 Fooyin

專業素養 關懷情操 宏觀視野 優雅氣質 University



保健設施

Fasilitas Kesehatan/ Cơ sở chăm sóc sức khỏe



健康中心



自動血壓測量器



全自動身高體重計



觀察床



衛教會談區



學生保險諮詢區



體脂測量機



外傷處理區



輪椅置放區



衛教展示櫃



安妮急救訓練 衛教區



折疊式 急救擔架



衛保組公告欄



衛生教育宣傳佈告欄



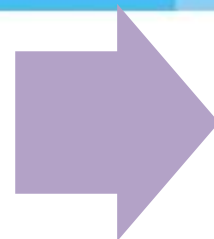
健康雜誌





衛生保健組

Bagian Kesehatan dan Perawatan



境外生專區

Bagian Khusus Pelajar Asing



衛生保健組 網站

→ hg.fy.edu.tw Google 智慧鏡頭 ☆ 下載

應用程式 Yahoo 奇摩 YUANHOSP 阮綜合醫院 Index - 網路接號 焦點 | LINE TODAY Airiti Library 華藝線上圖... 從 IE 匯入 我們的歌 Bonnie House 懂享家,品...

最新公告

服務項目

保健設施

工作職掌

學生保險

新生體檢

境外生專區

流感疫苗

急救訓練

活動成果

衛教宣導專區

一般訊息

- 【起身動一動 減重瘦腰 健康啟動】活動開跑啦！ 2024-09-27
- 【333規律運動 健康啟動 動出好身材】活動開跑啦！ 2024-09-26
- 轉知 教育部113年度委請國立臺灣大學編製傳染病防治衛教素材，以提升教職員工生傳染病防治知能 2024-09-26
- 轉知 衛生福利部國民健康署辦理「113年度青少年性健康促進增能及教材應用研習課程」，鼓勵有意願者自行報名參加 2024-09-26
- 轉知衛生福利部(以下簡稱衛福部)113-114年COVID-19 JN.1疫苗接種訊息 2024-09-21

更多...

Instagram

衛生保健組



短期研修健康檢查項目表 Health Certificate for Short-Term Students

(醫院名稱、地址、電話、傳真)
(Hospital's Name, Address, Tel, Fax)

檢查日期 / Date of Examination
YYYY / MM / DD

基本資料 / Basic Data

姓名 : Name	性別 : ☐ 男 / M ☐ 女 / F Sex
國籍 : Nationality	護照號碼 : Passport No.
出生年月日 : Date of Birth	YYYY / MM / DD

實驗室檢查 / Laboratory Examinations

A. 麻疹及德國麻疹之抗體陽性檢查報告或預防接種證明 / Proof of Positive Measles and Rubella Antibody or Measles and Rubella Vaccination Certificates :
a. 抗體檢查 / Antibody Tests
麻疹抗體 / Measles Antibody ☐ 陽性 / Positive ☐ 陰性 / Negative ☐ 未
德國麻疹抗體 / Rubella Antibody ☐ 陽性 / Positive ☐ 陰性 / Negative ☐ 未
b. 預防接種證明 / Vaccination Certificates (證明文件應註明接種日期、
時接種證明，其接種年齡必須大於1歲。 / The certificate should include
name of administering hospital or clinic and the batch no. of vaccine. If the
certificate is submitted, it is important to include the record of the vaccine
year of age.)
☐ 麻疹預防接種證明 / Measles Vaccination Certificate
☐ 德國麻疹預防接種證明 / Rubella Vaccination Certificate
c. ☐ 有接種禁忌，暫不適宜預防接種 / Having contraindications, not suitable for vaccination
B. 胸部 X 光肺結核檢查 / Chest X-ray for Tuberculosis :
X 光發現 / Findings :
判定 / Result :
☐ 合格 / Passed ☐ 疑似肺結核 / TB suspect ☐ 無法確認診斷 / Pending
☐ 孕婦免驗 / Not required for pregnant women

健康檢查總結果 / The final result of health examination :

☐ 合格 / Passed ☐ 須進一步檢查 / Need further examinations ☐ 不合格 / Failed

負責醫檢師簽章 / Signature of Chief Medical Technologist :

負責醫師簽章 / Signature of Chief Physician :

醫院負責人簽章 / Signature of Superintendent :

日期 / Date : YYYY / MM / DD

備註 / Note : 本表為來臺短期研修停留之健康檢查項目表。表單格式僅供參考，學生可分別檢
具預防接種證明及胸部 X 光檢查報告。 / This form lists the required medical
examination items for students applying for short-term study in Taiwan. This form is only
used for reference, students may submit a copy of vaccination certificates and the chest
X-ray report instead of completing this form.

本證明三個月內有效。 / The certificate is valid for three months.

體檢專區

Tempat Medical Check-up
Kiểm tra sức khỏe

短期研修生 丙式體檢

Peserta Pelatihan Jangka Pendek
Nghiên cứu sinh ngắn hạn
Pemeriksaan Fisik Tipe C
Khám sức khỏe loại C

學位生 Sinh viên 新生體檢

Medical Check Up Mahasiswa Baru
Khám sức khỏe cho tân sinh viên



境外生專區

教育部修訂 111 學年度起適用

輔英科技大學 學生健康資料卡

學生基本資料	入學日期	年 月	就讀系所、班(組)別			
	出生日期	年 月 日	血型		性別	☐ 男 ☐ 女
	戶籍地址					
	現居地址	☐ 同上 ☐ 如左:				
健康基本	緊急聯絡人、監護人或附近親友	關係	姓名	電話(家)	電話(公)	學生本人 E-mail
個人疾病史：勾選本人曾患過的疾病 ☐ 1. 無 ☐ 6. 腎臟病 ☐ 11. 關節炎 ☐ 16. 重大手術名稱：_____ ☐ 2. 肺結核 ☐ 7. 癲癇 ☐ 12. 糖尿病 ☐ 17. 過敏物質名稱：_____ ☐ 3. 心臟病 ☐ 8. 紅斑性狼瘡 ☐ 13. 心理或精神疾病：_____ ☐ 4. 肝炎 ☐ 9. 血友病 ☐ 14. 癌症：_____ ☐ 5. 氣喘 ☐ 10. 蠶豆症 ☐ 15. 海洋性貧血：_____ 是否有近視大於500度？ ☐ 0. 無 ☐ 1. 有 ☐ 2. 不知道 說明卡： ☐ 0. 無 ☐ 1. 有，類別：_____ 有，類別：_____, 等級： ☐ 1. 輕度 ☐ 2. 中度 ☐ 3. 重度 ☐ 4. 極重度 10. 無 ☐ 1. 有 (請描述)：_____ 檢中，請主動告知並提供就診病歷摘要，以作為照護參考。 有重大傳染性疾病之家屬稱謂：_____, 疾病名稱：_____, ☐ 2. 不知道 眼習慣 ☐ 每日睡足7小時 ☐ 不足7小時 ☐ 時常失眠 餐習慣 ☐ 都不吃 ☐ 有時吃，吃_____天 ☐ 每天吃：(9點前吃： ☐ 是 ☐ 否； 以上(活動時仍可交談，但無法唱歌)的運動、健身、交通和休閒性身體活動，累計1 天 ☐ 1天 ☐ 2天 ☐ 3天 ☐ 4天 ☐ 5天 ☐ 6天 ☐ 7天 包括傳統菸、電子煙及加熱式菸品等新興菸品)情形？ 有時吸菸 (可複選： ☐ ①傳統菸品、 ☐ ⑤電子煙、 ☐ ⑥加熱式菸品等) ①傳統菸品、 ☐ ⑤電子煙、 ☐ ⑥加熱式菸品等)。 ☐ 不喝酒 ☐ 有時喝酒 ☐ 每天喝酒 (☐ 2杯以上、 ☐ 1杯、 ☐ 不到1杯) 進一步選擇每天喝酒杯數，1杯的定義為啤酒330 ml、葡萄酒120 ml、烈酒 45 ml。 6. 過去一個月內，你嚼檳榔情形？ ☐ 不嚼檳榔 ☐ 有時嚼檳榔 ☐ 每天嚼檳榔 ☐ 已戒除 7. 常覺得焦慮嗎？ ☐ 沒有 ☐ 有時 ☐ 時常 8. 常覺得焦慮嗎？ ☐ 沒有 ☐ 有時 ☐ 時常 9. 過去7天內，你多久排便一次？ ☐ 每天至少一次 ☐ 兩天 ☐ 三天 ☐ 四天以上 10. 過去7天內 (不含假日) 每日除了上課及作功課需要之外，你累積網路使用的時間？ ☐ 不到2小時 ☐ 約2-4小 時 ☐ 約4小時以上，____小時 11. 你通常一天刷牙幾次？ ☐ 0次 ☐ 1次 ☐ 2次 ☐ 3次以上 12. 在沒有牙痛或其他口腔不舒服的情況下，你多久會做一次口腔健康檢查？ ☐ 每半年一次 ☐ 每年一次 ☐ 一年 以上 ☐ 從來沒有 13. 月經情況 (女生回答)：有無經痛現象？ ☐ 沒有 ☐ 輕微 ☐ 嚴重 ☐ 不知道/拒答 1. 過去一個月，一般來說，您認為您目前的健康狀況是？ ☐ 非常好 ☐ 好 ☐ 一般 ☐ 不好 ☐ 非常不好 2. 過去一個月，一般來說，您認為您目前的心理健康是？ ☐ 非常好 ☐ 好 ☐ 一般 ☐ 不好 ☐ 非常不好 目前有哪些健康問題？請敘述： ☐ 0. 無 ☐ 1. 有，是否需學校協助： ☐ 0. 否 ☐ 1. 是						

1. 為符合「學生健康檢查實施辦法」，同意輔英科技大學附設醫院逕將本人個人資料及本次體檢報告提供
「輔英科技大學衛生保健組」做為學生健康管理之用。
2. 若您已年滿 20 歲(受檢當日)，同意將本次受檢報告通知您的家長。

同意請簽名：



學期境外生新生體檢

- 新生一定要接受新生體檢?

Học sinh mới có bắt buộc phải tham gia kiểm tra sức khỏe không?

Apakah mahasiswa baru wajib mengikuti tes kesehatan?

- 答案：一定要

Trả lời: Bắt buộc phải tham gia.

Jawaban: Wajib.



輔英科技大學 Fooyin

● 專業素養 ● 關懷情懷 ● 宏觀視野 ● 優雅氣質 University



- 依教育部頒訂「學校衛生法」、「學生健康檢查實施辦法」
規定各學校新生一定要接受新生體檢

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về "Luật Y tế trường học" và "Quy định thực hiện kiểm tra sức khỏe học sinh", tất cả học sinh mới đều phải tham gia kiểm tra sức khỏe.

Menurut peraturan yang ditetapkan oleh Kementerian Pendidikan tentang "Undang-Undang Kesehatan Sekolah" dan "Peraturan Pelaksanaan Pemeriksaan Kesehatan Siswa", semua mahasiswa baru diwajibkan mengikuti pemeriksaan kesehatan.





- 未按規定執行則須自行負責罰責（如涉及傳染病防治法第62條等規定，最嚴重會處三年以下有期徒刑、拘役或新臺幣五十萬元以下罰金）

Nếu không thực hiện theo quy định, sẽ phải tự chịu trách nhiệm về các hình phạt (như liên quan đến Điều 62 của Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm, mức phạt nghiêm trọng nhất có thể là án tù dưới 3 năm, tạm giam hoặc tiền phạt dưới 500.000 Đài tệ).

Jika tidak melaksanakan sesuai dengan peraturan, maka akan bertanggung jawab atas hukuman (seperti yang tercantum dalam Pasal 62 Undang-Undang Pencegahan Penyakit Menular, hukuman paling berat dapat berupa penjara di bawah 3 tahun, penahanan, atau denda hingga 500.000 NT).





東港輔英附設醫院體檢

- 體檢費用：800元/人

Phí kiểm tra sức khỏe: 800 đồng/người

Biaya pemeriksaan kesehatan: 800 NT/orang

- 攜帶護照/居留證及入台許可證

Mang theo hộ chiếu/giấy phép cư trú và giấy phép nhập cảnh Đài Loan

Bawa paspor/ID tempat tinggal dan izin masuk Taiwan

- 麻疹及德國麻疹注射證明正本—1歲以上注射

Giấy chứng nhận tiêm phòng sởi và rubella (tiêm cho trẻ trên 1 tuổi)

Bukti vaksinasi campak dan rubella (untuk anak di atas 1 tahun)

- 攜帶學生健康資料卡(學生基本資料務必請先填寫完成)

Mang theo thẻ thông tin sức khỏe học sinh (vui lòng điền đầy đủ thông tin cơ bản của học sinh)

Bawa kartu data kesehatan mahasiswa (pastikan mengisi data dasar mahasiswa terlebih dahulu)



輔英科技大學 Fooyin

● 專業素養 ● 關懷情懷 ● 宏觀視野 ● 優雅氣質 University



- 受檢當日不需空腹(勿喝甜的飲料)

Ngày kiểm tra không cần nhịn ăn (không uống nước ngọt)

Pada hari pemeriksaan, tidak perlu berpuasa (jangan minum minuman manis)

確認體檢時間後，若學生有課，可協助學生請假

Sau khi xác nhận thời gian kiểm tra sức khỏe, nếu học sinh có lớp, có thể giúp học sinh xin phép nghỉ học

Setelah mengonfirmasi waktu pemeriksaan, jika mahasiswa memiliki kelas, dapat dibantu untuk izin tidak masuk.

- 如學生無法前往體檢，請自行至醫院體檢(可參考WORD檔資訊)

Nếu học sinh không thể tham gia kiểm tra sức khỏe, vui lòng tự đi kiểm tra tại bệnh viện (tham khảo thông tin trong file WORD).

Jika mahasiswa tidak dapat pergi ke pemeriksaan, harap pergi sendiri ke rumah sakit untuk pemeriksaan (dapat merujuk informasi dalam file WORD).



輔英科技大學 Fooyin

● 專業素養 ● 關懷情懷 ● 宏觀視野 ● 優雅氣質 University



傷病醫療保險 Asuransi Kesehatan Kecelakaan

外國學生來臺就讀辦法 第22條：外國學生註冊時，新生應檢附已投保自入境當日起至少六個月效期之醫療及傷害保險，在校生應檢附我國全民健康保險等相關保險證明文件。**等待健保卡1個月。故一般外籍生繳3500元/7個月。** Pasal 22 Peraturan Pelajar Asing yang Datang ke Taiwan untuk Belajar: Saat mendaftar sebagai pelajar asing, pelajar baru harus menyerahkan asuransi kesehatan dan cedera yang berlaku setidaknya enam bulan sejak tanggal masuk. Pelajar saat ini harus menyerahkan sertifikat asuransi yang relevan seperti Dokumen Asuransi Kesehatan Nasional Tiongkok.

	僑生	外籍生
公司	依僑委會招標： 國泰人壽	三商美邦
學期	113-114學期	110學期
書	僑生身份申請書	外籍生身份
他	僑生作業要點	外籍生要點 外籍生傷

保險專區 Tempat Asuransi



學生團體保險 Asuransi Kelompok Mahasiswa

教育部補助私立大專校院辦理學生團體保險作業原則：第二條 -補助對象：私立大專校院及附設進修學校全體學生（包括實習學生）。第三條第一點第五項：學生團體保險非強制性，各校應**鼓勵全體學生（包括實習學生）參加。** Prinsip subsidi Kementerian Pendidikan bagi perguruan tinggi dan universitas swasta untuk mengajukan asuransi kelompok mahasiswa: Pasal 2 - Objek subsidi: semua mahasiswa (termasuk mahasiswa magang) dari perguruan tinggi dan universitas swasta serta sekolah pelatihan yang berafiliasi. Pasal 3, Angka 1, Angka 5: Asuransi kelompok siswa tidak wajib, dan setiap sekolah harus mendorong semua siswa (termasuk siswa magang) untuk berpartisipasi.

保險公司	三商美邦人壽
事故日期	108年8月1日00:00後 發生之事故
申請書	保險申請書下載
服務人員	黃易笛 先生 0933-012-120
聯絡電話	劉芸青 小姐 0958-208-579
契約條款	111-112學年度 學生團體保險契約條款
保險內容	113 - 114學年度 學生團體保險內容



保險專區

Bảo hiểm



境外生專區

傷病醫療保險

Bảo hiểm y tế thương tích và bệnh tật

外國學生來臺就讀辦法 第22條：外國學生註冊時，新生應檢附已投保自入境當日起至少六個月效期之醫療及傷害保險，在校生應檢附我國全民健康保險等相關保險證明文件。**等待健保卡1個月。故一般外籍生繳3500元/7個月。**

Điều 22 của Quy định dành cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan học tập: Khi hoàn tất thủ tục nhập học, tân sinh viên phải nộp đã mua bảo hiểm y tế và thương tích có giá trị ít nhất sáu tháng kể từ ngày nhập cảnh. Sinh viên đang học tại trường nên nộp các giấy chứng nhận bảo hiểm liên quan đến Tài liệu Bảo hiểm Y tế Quốc gia của Đài Loan

	僑生	外籍生
公司	依僑委會招標： 國泰人壽	三商美邦人壽
學期	113-114學期	110學期
書	僑生身份申請書	外籍生身份申請書
他	僑生作業要點	外籍生作業要點 外籍生傷病保險要點

學生團體保險

Bảo hiểm nhóm sinh viên

教育部補助私立大專校院辦理學生團體保險作業原則：第二條 - 補助對象：私立大專校院及附設進修學校全體學生（包括實習學生）。第三條第一點第五項：學生團體保險非強制性，各校應鼓勵全體學生（包括實習學生）參加。

Nguyên tắc thực hiện trợ cấp bảo hiểm nhóm cho sinh viên của Bộ Giáo dục:

Điều 2 - Đối tượng nhận trợ cấp: Tất cả sinh viên của các trường cao đẳng và đại học tư thục, bao gồm cả sinh viên đi thực tập.

Điều 3, khoản 1, mục 5 : Bảo hiểm nhóm cho sinh viên không phải là bắt buộc. Các trường nên khuyến khích tất cả sinh viên, bao gồm cả sinh viên thực tập tham gia.

保險公司	三商美邦人壽
事故日期	108年8月1日00:00後 發生之事故
申請書	保險申請書下載
服務人員	黃易簡 先生 0933-012-120
聯絡電話	劉美青 小姐 0958-208-579
契約條款	111-112學年度 學生團體保險契約條款
保險內容	113-114學年度 學生團體保險內容



保險申請 必備文件

Dokumen Yang Diperlukan Untuk Pengajuan Asuransi

- 申請書（可至衛保組領取或網站點選下載） Formulir permohonan (dapat diambil di uks atau diunduh dari situs web)
- 診斷證明書 **【正本】**（**診斷書上姓名、出生年月日需與護照同**）Sertifikat Diagnosis [Asli] (Nama, tanggal lahir pada sertifikat diagnosis harus sama dengan paspor)
- 收據 **【正本】**（可接受副本，但需蓋院章），不接受影本 Kwitansi [asli] (salinan diperbolehkan, tetapi harus dicap dengan stempel sekolah), fotokopi tidak diterima
- 護照及居留證正、反面 **【影本】** Paspor dan ARC bagian depan dan belakang [fotokopi]
- 學生本人存摺封面 **【影本】**（具帳號資料，銀行或郵局） Sampul buku tabungan milik siswa [fotokopi] (dengan informasi rekening, bank atau kantor pos)
- 事故日發生當學期之保險費用繳費證明 **【影本】** Bukti pembayaran biaya asuransi semester terjadinya kecelakaan [fotokopi]





保險申請 必備文件

Dokumen Yang Diperlukan Untuk Pengajuan Asuransi

符合項目時才必備下方資料 Data berikut diperlukan apabila memenuhi kriteria yang relevan

- 車禍或自摔事故**有報警時**需檢附事故三聯單【影本】 Jika terjadi kecelakaan kendaraan atau jatuh sendiri dan telah melapor ke polisi, perlu melampirkan salinan laporan kecelakaan
- X光片（骨折者**無住院**才需檢附此項） Foto Rontgen (hanya diperlukan untuk kasus patah tulang yang tidak dirawat di rumah sakit)
- 【癌症】必須附切片病理報告；【初次罹癌】應檢附重大傷病核定證明影本。 Kanker: Harus melampirkan laporan patologi dari biopsi; Kanker pertama kali: Harus melampirkan salinan sertifikat pengesahan penyakit kritis
- 【重大傷病】者，應檢附重大傷病核定證明影本。 Untuk penyakit kritis, harus melampirkan salinan sertifikat pengesahan penyakit kritis.



境外生專區



輔英科技大學 Fooyin

● 專業素養 ● 關懷情懷 ● 宏觀視野 ● 優雅氣質 University



保險申請 必備文件

Các tài liệu cần thiết để đăng ký bảo hiểm

- 申請書（可至衛保組領取或網站點選下載） Đơn đăng kí
- 診斷證明書【正本】（**診斷書上姓名、出生年月日需與護照同**） Giấy chứng nhận chẩn đoán [Bản chính] (Tên và ngày tháng năm sinh trên giấy chứng nhận phải trùng khớp với hộ chiếu).
- 收據【正本】（可接受副本，但需蓋院章），不接受影本 Hóa đơn [Bản chính] (có thể sử dụng bản phụ có đóng dấu của bệnh viện), không nhận bản photo
- 護照及居留證正、反面【影本】 Bản sao mặt trước và mặt sau của hộ chiếu và thẻ cư trú.
- 學生本人存摺封面【影本】（具帳號資料，銀行或郵局） "Bản sao bìa sổ tiết kiệm của sinh viên (có thông tin tài khoản, ngân hàng hoặc bưu điện)."
- 事故日發生當學期之保險費用繳費證明【影本】 Bản sao chứng từ thanh toán phí bảo hiểm trong học kỳ

符合項目時才必備下方資料

- 車禍或自摔事故**有報警時**需檢附事故三聯單【影本】
- X光片（骨折者**無住院**才需檢附此項）
- 【癌症】必須附切片病理報告；【初次罹癌】應檢附重大傷病核定證明影本。
- 【重大傷病】者，應檢附重大傷病核定證明影本。



輔英科技大學 Fooyin

● 專業素養 ● 關懷情懷 ● 宏觀視野 ● 優雅氣質 University



本校 全面禁菸 No Smoking

《菸害防制法》規定大專校院全面禁菸
違者處新臺幣2,000至10,000元罰鍰
Maximum Fine NT\$10,000



教育部

菸害諮詢服務專線 0800-531-531

資訊提供：財團法人董氏基金會



輔英科技大學 Fooyin

專業素養 關懷情懷 宏觀視野 優雅氣質 University